

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 250/2025/HNGĐ-ST
Ngày 26 – 12 – 2025
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Hồng Dưỡng.

Ông Châu Trung Trực.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 26 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 426/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Nhuận Đ, sinh năm 2000. Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T1, tỉnh Cà Mau – Căn cước số 096200002701, cấp ngày 11/9/2025 (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Ngô Ngọc M, sinh năm 2005. Địa chỉ cư trú: Ấp T2, xã Đ1, tỉnh Cà Mau - Căn cước công dân số 096305007503, cấp ngày 18/5/2022 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của anh Nguyễn Nhuận Đ, thể hiện:*

Anh Đ và chị Ngô Ngọc M chung sống với nhau vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị M bỏ nhà đi nhiều lần, được gia đình khuyên nhủ, hàn gắn nhưng chị M chỉ thực hiện được một thời gian thì tiếp tục bỏ đi. Lúc này, gia đình thống nhất cho chị M toàn bộ số vàng trong ngày cưới nhưng phải để con lại thì chị M đồng ý; khoảng 01 tuần sau, chị M quay lại đem con đi cùng với toàn bộ số vàng ngày cưới. Từ nguyên nhân trên, anh Đ xác định không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu được ly hôn với chị M.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 người con tên Nguyễn Mỹ A, sinh ngày 18/11/2024, do chị M nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh Đ yêu cầu được nuôi Mỹ A, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung, gồm: 04 chỉ vàng 24k, 10 chỉ vàng 18k và 17.000.000 đồng, do chị M quản lý. Khi ly hôn, anh Đ yêu cầu chị M giao lại để phân chia mỗi người $\frac{1}{2}$.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Đ rút lại không yêu cầu phân chia tài sản để tự thỏa thuận với chị M.

Về nợ và các vấn đề khác: Không có.

** Theo đơn yêu cầu, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của chị Ngô Ngọc M, thể hiện:*

Về thời gian chung sống và có đăng ký kết hôn như anh Đ trình bày là đúng, khi về chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, mặc dù đã cố gắng nhưng không khắc phục được nên chị đồng ý ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có 01 người con tên Nguyễn Mỹ A, sinh ngày 18/11/2024, do chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi Mỹ A, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi Mỹ A tròn 18 tuổi.

Tại phiên tòa, chị M thay đổi không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, gồm: 04 chỉ vàng 24k, 10 chỉ vàng 18k và 17.000.000 đồng, do anh Đ quản lý. Khi ly hôn, chị M thống nhất tự thỏa thuận với anh Đ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ và các vấn đề khác: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Nhuận Đ và chị Ngô Ngọc M chung sống với nhau vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mặc dù đã được gia đình khuyên nhủ, hàn gắn nhưng không khắc phục được nên các đương sự xác định không thể tiếp tục chung sống nên đồng ý ly hôn với nhau.

Xét thấy: Việc các đương sự đồng ý ly hôn với nhau là tự nguyện, không trái pháp luật nên được công nhận.

[2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Đ và chị M đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng Nguyễn Mỹ A và đưa ra điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con sau khi ly hôn.

Theo quy định của pháp luật, các đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ chứng minh về điều kiện nuôi dưỡng con sau khi ly hôn và tự chịu hậu quả của việc chứng minh và chứng minh không đầy đủ.

Tại phiên tòa, anh Đ xác định hiện nay công việc của anh là cần cưa, có mức thu nhập 2.000.000 đồng – 3.000.000 đồng/tháng, đang sống chung với gia đình có phần đất nuôi trồng thủy sản; còn chị M chưa có thu nhập ổn định, hiện cũng sống chung với gia đình và gia đình cũng có phần đất nuôi trồng thủy sản (đang làm thủ

tục tách cho chị diện tích 03 công đất), sau khi ly hôn xong chị sẽ tìm việc làm để đảm bảo cuộc sống và nuôi con.

Xét thấy: Với điều kiện hiện nay của anh Đ có công việc cân cua, thu nhập của công việc này cũng không ổn định mà phụ thuộc vào mùa vụ thu hoạch của người dân trên địa bàn; trong khi chị M cũng chưa có công việc ổn định; các đương sự đều còn sống chung cùng gia đình nên điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đối với Mỹ Âu của các đương sự là ngang nhau.

Đối với Nguyễn Mỹ A, sinh ngày 18/11/2024 (tính đến ngày xét xử sơ thẩm mới được 13 tháng 08 ngày tuổi) và là cháu gái nên việc chăm sóc, nuôi dưỡng của chị M sẽ thuận lợi hơn và cũng phù hợp với khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên việc anh Đ yêu cầu được nuôi Mỹ A sau khi ly hôn là chưa phù hợp với thực tế nên cần giữ nguyên việc nuôi dưỡng như hiện nay để bảo đảm lợi ích tốt nhất cho Mỹ A là cần thiết.

Trong quá trình thăm nom cháu Mỹ Âu nếu anh Đ chứng minh được điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục tốt hơn và có đủ căn cứ cho rằng chị M không còn đủ điều kiện nuôi con chung hoặc ngược đãi con chung, thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị M thay đổi không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Xét thấy, việc thay đổi của chị M về không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn là tự nguyện nên được chấp nhận theo khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Dân sự và Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét; trường hợp phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Đ rút lại không yêu cầu phân chia 04 chỉ vàng 24k, 10 chỉ vàng 18k và 17.000.000 đồng, chị M thống nhất việc rút yêu cầu khởi kiện này của anh Đ.

Xét thấy: Việc rút yêu cầu phân chia tài sản của anh Đ là tự nguyện, không trái pháp luật, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu này là phù hợp; trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật

[4] Về nợ và các vấn đề khác: Các đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp về các nội dung này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do anh Đ và chị M trước khi mở phiên tòa đã tự nguyện ly hôn nhưng không thỏa thuận được về con chung nên mỗi người phải chịu trong vụ án này là 75.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Nhuận Đ và chị Ngô Ngọc M (giấy chứng nhận kết hôn số 123 ngày 25/10/2023 của UBND xã Trần Phán, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau).

2. Về con chung:

Không chấp nhận yêu cầu của anh Đ về việc xin nuôi dưỡng đối với Nguyễn Mỹ Âu, sinh ngày 18/11/2024.

Chấp nhận yêu cầu của chị M. Giao Nguyễn Mỹ A, sinh ngày 18/11/2024 cho chị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng không đặt ra. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Đ về việc phân chia 04 chỉ vàng 24k, 10 chỉ vàng 18k và 17.000.000 đồng. Các đương sự có quyền khởi kiện lại về nội dung này theo quy định của pháp luật.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Đ phải chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng); đối trừ số tiền nộp tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai số 0005368 ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau thì anh Đ được nhận lại số tiền 225.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng); chị M phải chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng).

Án phí phân chia tài sản: Anh Đ không phải chịu; anh Đ đã nộp tạm ứng số tiền 2.033.000 đồng (hai triệu không trăm ba mươi ba nghìn đồng) theo Biên lai số 0005369 ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau được nhận lại.

[5] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- UBND xã Trần Phán, tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn